

Số: 422/2021/QĐST – HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 16 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212, 213, 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 538/2020/TLST-HNGĐ ngày 17/12/2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Bà Đoàn Phương T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Đường A, phường B, thành phố C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Quang N, sinh năm 1988

Địa chỉ: Đường A, phường B, thành phố C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định yêu cầu và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Đoàn Phương T và ông Nguyễn Quang N có yêu cầu thuận tình ly hôn, do đó yêu cầu của bà T và ông N là yêu cầu về thuận tình ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại Thành phố Thủ Đức nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ các bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ việc, Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức nhận thấy:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 64/2014, quyền số 01/2013 ngày 06/10/2014 tại Ủy ban nhân dân phường An Phú, Quận 2 (nay là Thành phố Thủ Đức) thì quan hệ hôn nhân giữa bà Đoàn Phương T và ông Nguyễn Quang N là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống giữa bà T và ông N phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã, không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau, cả hai không tìm được nói tiếng chung. Bà T và ông N đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Hiện nay bà T và ông N không còn tình cảm gì với nhau, do đó yêu cầu Tòa án giải quyết cho thuận tình ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông N là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc bà T, ông N cùng thỏa thuận yêu cầu thuận tình ly hôn là có cơ sở xem xét chấp nhận.

Về con chung: Trong quá trình chung sống Bà T và ông N có 01 (một) con chung tên Nguyễn Đoàn Phương N (Nữ), sinh ngày 27/5/2018. Các bên thỏa thuận giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông N đồng ý cấp dưỡng hàng tháng số tiền 5.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 hàng tháng, việc cấp dưỡng được thực hiện từ ngày 15/3/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông N không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Bà T tự nguyện chịu lệ phí 300.000 đồng.

Xét thỏa thuận nêu trên của bà T, ông N là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với nhà nước hoặc với người thứ ba. Do đó, công nhận sự thỏa thuận nêu trên của bà T, ông N là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Phương T và ông Nguyễn Quang N thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 64/2014, quyền số 01/2013 ngày 06/10/2014 của Ủy ban nhân dân phường An Phú, Quận 2 (nay là Thành phố Thủ Đức) không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Tòa án ban hành quyết định.

- Về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung tên Nguyễn Đoàn Phương N (Nữ), sinh ngày 27/5/2018 cho bà Đoàn Phương T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*), các bên tự giao nhận vào ngày 15

dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 15/3/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông N không yêu cầu tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí:

Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là: 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, bà Đoàn Phương T tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2018/0028296 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 (nay là Chi cục Thi

hành án dân sự Thành phố Thủ Đức) lập ngày 17/12/2020. Bà T đã nộp đủ lệ phí, ông N không phải nộp lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân phường An Phú, Tp. Thủ Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Trung Thực